TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH P**	**CỘNG HềA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản ỏn số: 07/2022/DS - ST

Ngày 24/5/2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Trinh

Ông Lê Thiết Hùng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P tham gia phiên toà***: Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1966;

Nơi ĐKHKTT: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh P.

- Bị đơn: Ông Vương Quốc T, sinh năm 1964 và anh Vương Tú N, sinh năm 1996;

Đều ĐKHKTT: Khu 10, xã V, huyện H, tỉnh P.

(Bà B có mặt tại phiên tòa, ông T, anh N vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh P.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh P.

3. Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu T, xã M, huyện T, tỉnh P.

(Đại diện theo ủy quyền của những người liên quan bà Trần Thị B, anh M, chị H, anh Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị B trình bày:

Ngày 09 tháng 6 năm 2019 chồng bà là ông Nguyễn Ngọc T (đã mất) có cho ông Vương Quốc T và con trai là Vương Tú N, địa chỉ: Khu 10, xã V, huyện H, tỉnh P vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 30/4/2020, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi xuất. Trong quá trình vay ông T chưa trả cho chồng bà (ông T) số tiền 100.000.000đ đã vay. Khi ông T mất có để

lại giấy vay nợ ngày 09 tháng 6 năm 2019. Là người thừa kế hợp pháp và được các con ủy quyền. Bà B khởi kiện ra tòa đề nghị ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N phải trả số tiền còn nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và không đề nghị tính lãi.

Anh M, chị H, anh Quý là người liên quan trong vụ án ủy quyền toàn bộ cho bà B khởi kiện, giải quyết vụ án buộc ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N phải trả số tiền còn nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho bà B, các anh chị không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai và các tài liệu sau đã bị đơn ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N trình bày:

ông T, anh N thừa nhận ngày 09 tháng 6 năm 2019 có vay của ông Nguyễn Ngọc T (đã mất) số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 30/4/2020, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi xuất. Trong quá trình vay, khi ông T còn sống ông và anh N đã xuống trả đủ cho ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Nay bà B và các con khởi kiện ra tòa đề nghị trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), quan điểm của ông là đã trả khoản vay trên nên không trả nữa. Hiện ông T, anh N không có tài liệu, giấy tờ gì để chứng M việc đã trả nợ cho ông T, vì khi đã hai bên không viết giấy tờ gì, không có ai chứng kiến trực tiếp sự việc trên, mà chỉ có bà T là em ông T có biết. Khi trả ông T, anh N không lấy lại giấy vay gốc, vì ông T nói vợ và các con đã lấy giấy vay gốc ông ko giữ và hứa là cứ yên tâm.

Tại phiên tòa ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N vắng mặt nên không có lời trình bày thêm gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đãng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Cần xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

Buộc ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền vay còn nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Kỷ phần mỗi người phải chịu là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Không tính lãi số tiền trên.

- Về án phí: ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản tự khai, biên bản hòa giải được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bị đơn ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N, đều trỳ tại Khu 10, xã V, huyện H, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa ánnhân dân huyện H, tỉnh P.

[1.2]. Về quyền khởi kiện: ông Nguyễn Ngọc T (chồng bà B) khi sống có cho ông Vương Quốc T và con trai là anh Vương Tú N vay tiền số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông T chết để lại quyền thừa kế là quyền về tài sản (quyền đòi nợ) theo Điều 609 Bộ luật Dân sự 2015. Khi mất ông T không để lại di chúc nên xác định những người thừa kế quyền đòi nợ theo pháp luật được quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: cha, mẹ đẻ (đều đã chết), vợ, con đẻ của người chết (ông T), vì vậy việc bà B được các con ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án là hoàng toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.3]. Về tư cách tố tụng: Bị đơn trong đơn khởi kiện bà B chỉ ghi bị đơn là ông Vương Quốc T, nhưng trong quá trình xem xét giải quyết vụ án xác định cần đưa thêm anh Vương Tú N (con trai ông T) là đồng bị đơn trong vụ án vì đều ký vào giấy vay với tư cách là bên vay là phù hợp.

[1.4]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Vương Quốc T, anh Vương Tú N, Hội đồng xét xử thấy rằng: ông T, anh N có đã bản khai, thống nhất quan điểm trình bày, xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã tự khai và Tòa án đã tiến hành hòa giải theo luật định hai bên đương sự chỉ thừa nhận về giấy vay là đãng, tuy nhiên các bên không thống nhất được về số tiền còn nợ, không thỏa thuận được về thời hạn, phương thức trả nợ, vì vậy Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 09 tháng 6 năm 2019 ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N có vay của ông Nguyễn Ngọc T (hiện đã mất) số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay đến ngày 30/4/2020, không thỏa thuận lãi xuất. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận có chữ ký của ông T, anh N là đãng. Đây là giao dịch dân sự là quan hệ pháp luật vay tài sản có kỳ hạn, phù hợp với quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự. Kể từ khi xác lập giao dịch dân sự các bên tham gia đã phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự do pháp luật quy định. ông Nguyễn Ngọc T (đã chết) đã thực hiện xong nghĩa vụ của mỡnh là cho ông T, anh N vay tiền; còn ông T, anh N cho rằng mình đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông T khi ông còn sống, tuy nhiên ông T, anh N trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng M được việc minh đã thanh toán xong cho ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đã vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, anh N có khai là có bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ tại khu 12, xã K, thành phố V, tỉnh P biết việc ông T, anh N đã trả tiền cho ông T. Tòa án đã tiến hành đến địa phương nơi bà T sinh sống, được bà T cho biết có lần bà sang nhà anh trai ông Nguyễn Ngọc T (hiện đã mất) để bàn việc làm mồ mả cho các cụ, có thấy ông T, anh N trả khoản tiền gì đã, bà cũng không biết chính xác là bao nhiêu tiền và trả khoản tiền gì.

Xét lời khai của bà Nguyễn Thị T là chưa đủ cơ sở để xác định ông T, anh N đã trả cho ông T số tiền đã vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), vì bà T chỉ tỡnh cờ thấy và không biết chính xác số tiền trả và trả tiền gì.

Từ những phân tích trên, thấy rằng việc bà Trần Thị B khởi kiện đòi ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: cần buộc ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị B khoản tiền nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về lãi suất: Bà Trần Thị B xác định không tính lãi số tiền vay là phù hợp, được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 463, 466, 470, Điều 357 và Điều 105, 609, 613, 651 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về " Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B;

Buộc ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị B số tiền vay còn nợ gốc là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Kỷ phần ông T, anh N mỗi người là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng). Không tính lãi số tiền trên.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N không thanh toán, mà vợ chồng bà Trần Thị B có đơn đề nghị thi hành án, thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Buộc ông Vương Quốc T và anh Vương Tú N mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà B đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004791 ngày 10/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành ỏn dân sự".

Đương sự có mặt được quyền kháng cỏo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.H. H, tỉnh P;
- Chi cục THADS H. H;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các Đương sự;
- Lưu HS, AV.

Trịnh Đình Yên